

**Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ
Đầu tư Chứng khoán Bản Việt**

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025



**Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ
Đầu tư Chứng khoán Bản Việt**

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025



Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bản Việt

MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Thông tin chung	1
Báo cáo của Tổng Giám đốc	2
Báo cáo kiểm toán độc lập	3 - 4
Bảng cân đối kế toán	5 - 7
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	8
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	9
Báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu	10
Thuyết minh báo cáo tài chính	11 - 44

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bản Việt

THÔNG TIN CHUNG

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bản Việt ("Công ty") là công ty cổ phần được thành lập và hoạt động theo Giấy phép hoạt động số 08/UBCK-GPHĐQLQ ngày 25 tháng 10 năm 2006 và Giấy phép điều chỉnh gần nhất số 85/GPĐC-UBCK ngày 10 tháng 9 năm 2025 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp; và theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0304524894 ngày 28 tháng 8 năm 2006 và các Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh sửa đổi, bổ sung do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Hoạt động chính của Công ty là lập và quản lý các quỹ đầu tư chứng khoán, các danh mục đầu tư ủy thác và tư vấn đầu tư chứng khoán tại Việt Nam.

Công ty có trụ sở chính tại Tầng 5, Tòa nhà HM Town, Số 412 Nguyễn Thị Minh Khai, Phường Bàn Cờ, Thành phố Hồ Chí Minh.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị trong năm và đến ngày lập báo cáo này như sau:

<u>Họ và tên</u>	<u>Chức vụ</u>	<u>Ngày bổ nhiệm</u>
Bà Nguyễn Thanh Phương	Chủ tịch	Ngày 28 tháng 4 năm 2022
Ông Cung Trần Việt	Thành viên	Ngày 28 tháng 4 năm 2022
Ông Phạm Gia Tuấn	Thành viên	Ngày 28 tháng 4 năm 2022
Ông Nguyễn Hoàng Bảo	Thành viên	Ngày 28 tháng 4 năm 2022
Ông Phạm Pho Hop	Thành viên	Ngày 28 tháng 4 năm 2022

BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên Ban Kiểm soát trong năm và đến ngày lập báo cáo này như sau:

<u>Họ và tên</u>	<u>Chức vụ</u>	<u>Ngày bổ nhiệm</u>
Bà Bùi Thị Minh Nguyệt	Trưởng ban	Ngày 28 tháng 4 năm 2022
Bà Nguyễn Thị Ngọc Mỹ	Thành viên	Ngày 28 tháng 4 năm 2022
Bà Nguyễn Thị Ngọc Diệp	Thành viên	Ngày 28 tháng 4 năm 2022

TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ KẾ TOÁN TRƯỞNG

Tổng Giám đốc và Kế toán Trưởng trong năm và đến ngày lập báo cáo này như sau:

<u>Họ và tên</u>	<u>Chức vụ</u>	<u>Ngày bổ nhiệm</u>
Ông Phạm Pho Hop	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 23 tháng 9 năm 2020
Bà Trần Đỗ Quyên	Kế toán Trưởng	Bổ nhiệm ngày 10 tháng 2 năm 2026
Bà Trần Thị Thanh Tâm	Kế toán Trưởng	Miễn nhiệm ngày 10 tháng 2 năm 2026
Bà Khúc Thị Kiều	Kế toán Trưởng	Bổ nhiệm ngày 4 tháng 4 năm 2025 Miễn nhiệm ngày 4 tháng 4 năm 2025

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo tài chính này là ông Phạm Pho Hop - Tổng Giám đốc.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Công ty.

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bản Việt

BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC

Tổng Giám đốc của Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bản Việt ("Công ty") trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025.

TRÁCH NHIỆM CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC CÔNG TY ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính cho từng năm tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh, tình hình lưu chuyển tiền tệ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu của Công ty trong năm. Trong quá trình lập báo cáo tài chính này, Tổng Giám đốc cần phải:

- ▶ Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ Thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ▶ Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính; và
- ▶ Lập báo cáo tài chính trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

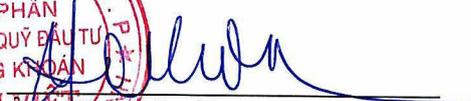
Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính kèm theo.

CÔNG BỐ CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Tổng Giám đốc, báo cáo tài chính kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2025, kết quả hoạt động kinh doanh, tình hình lưu chuyển tiền tệ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, các hướng dẫn kế toán áp dụng cho công ty quản lý quỹ và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.




Ông Phạm Pho Hop
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 25 tháng 3 năm 2026



Shape the future
with confidence

Ernst & Young Vietnam Limited
20th Floor, Bitexco Financial Tower
2 Hai Trieu Street, District 1
Ho Chi Minh City, Vietnam

Tel: +84 28 3824 5252
Email: eyhcmc@vn.ey.com
Website (EN): ey.com/en_vn
Website (VN): ey.com/vi_vn

Số tham chiếu: 13483489/E-69118415

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các cổ đông của Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bản Việt

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bản Việt ("Công ty") được lập ngày 25 tháng 3 năm 2026 và được trình bày từ trang 5 đến trang 44, bao gồm bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính kèm theo.

Trách nhiệm của Tổng Giám đốc

Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, các hướng dẫn kế toán áp dụng cho công ty quản lý quỹ và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.



Shape the future
with confidence

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh, tình hình lưu chuyển tiền tệ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, các hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty quản lý quỹ và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam



Nguyễn Phương Nga
Phó Tổng Giám đốc
Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 0763-2024-004-1

Hoàng Thị Hồng Minh
Kiểm toán viên
Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 0761-2023-004-1

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 25 tháng 3 năm 2026

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bản Việt

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

B01-CTQ

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		237.263.736.220	220.123.842.650
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	4	100.904.016.669	89.051.613.777
111	1. Tiền		8.665.567.226	49.051.613.777
112	2. Các khoản tương đương tiền		92.238.449.443	40.000.000.000
120	II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	5	129.862.384.460	124.388.384.805
121	1. Đầu tư ngắn hạn		130.014.479.118	124.419.456.200
129	2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn		(152.094.658)	(31.071.395)
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		5.722.129.042	5.996.255.266
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	6	4.996.583.865	5.215.254.500
134	2. Phải thu hoạt động nghiệp vụ	7	454.913.418	454.745.101
135	3. Các khoản phải thu khác	8	270.631.759	326.255.665
150	IV. Tài sản ngắn hạn khác		775.206.049	687.588.802
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	9	376.173.807	288.556.560
154	2. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	13	399.032.242	399.032.242
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		2.023.428.414	2.852.867.628
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		621.431.700	598.236.000
218	1. Phải thu dài hạn khác	10	621.431.700	598.236.000
220	II. Tài sản cố định		381.243.523	909.093.502
221	1. Tài sản cố định hữu hình	11.1	331.660.183	728.260.158
222	Nguyên giá tài sản cố định		3.187.174.044	3.187.174.044
223	Hao mòn tài sản cố định		(2.855.513.861)	(2.458.913.886)
227	2. Tài sản cố định vô hình	11.2	49.583.340	180.833.344
228	Nguyên giá tài sản cố định		844.609.998	844.609.998
229	Hao mòn tài sản cố định		(795.026.658)	(663.776.654)
250	III. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	12	842.279.950	1.165.936.068
252	1. Đầu tư vào công ty liên kết		4.881.295.918	2.381.295.918
259	2. Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn		(4.039.015.968)	(1.215.359.850)
260	IV. Tài sản dài hạn khác		178.473.241	179.602.058
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	9	178.473.241	179.602.058
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		239.287.164.634	222.976.710.278

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bản Việt

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

B01-CTQ

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		3.231.346.093	16.446.488.010
310	I. Nợ ngắn hạn		2.921.346.093	16.136.488.010
314	1. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	13	458.455.245	398.011.544
315	2. Phải trả người lao động		1.566.471.136	1.385.550.000
316	3. Chi phí phải trả ngắn hạn	14	385.115.380	400.117.432
319	4. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	15	23.598.632	13.465.103.334
323	5. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		487.705.700	487.705.700
330	II. Nợ dài hạn		310.000.000	310.000.000
359	1. Quỹ dự phòng bồi thường thiệt hại cho nhà đầu tư		310.000.000	310.000.000
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		236.055.818.541	206.530.222.268
411	1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	16	200.000.000.000	130.000.000.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		305.250.000	(2.608.500.000)
419	3. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		-	3.606.859.427
420	4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		35.750.568.541	75.531.862.841
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		239.287.164.634	222.976.710.278

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bản Việt

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

B01-CTQ

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
004	1. Nợ khó đòi đã xử lý		1.080.293.339	1.080.293.339
006	2. Chứng khoán lưu ký của công ty quản lý quỹ		10.568.640.000	7.899.560.000
007	- Chứng khoán giao dịch		10.568.640.000	7.899.560.000
020	3. Chứng khoán chưa lưu ký của Công ty quản lý quỹ		73.064.082.300	75.474.395.400
030	4. Tiền gửi của nhà đầu tư ủy thác	17	25.413.206.980	6.775.130.735
031	- Tiền gửi của nhà đầu tư ủy thác trong nước		25.413.206.980	6.775.130.735
040	5. Danh mục đầu tư của nhà đầu tư ủy thác	18	233.910.973.195	117.385.028.510
041	- Nhà đầu tư ủy thác trong nước		233.910.973.195	117.385.028.510
050	6. Các khoản phải thu của nhà đầu tư ủy thác	19	-	127.925.750
051	7. Các khoản phải trả của nhà đầu tư ủy thác	20	3.624.979.521	108.235.292

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Ngày 25 tháng 3 năm 2026

Người lập:



Bà Trần Thị Thanh Tâm
Kế toán

Người kiểm soát:



Bà Trần Đỗ Quyên
Kế toán Trưởng

Người phê duyệt:




Ông Phạm Pho Hốp
Tổng Giám đốc

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bản Việt

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

B02-CTQ

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay VND	Năm trước VND
01	1. Doanh thu		4.829.861.252	7.519.270.892
10	2. Doanh thu thuần về hoạt động kinh doanh	21	4.829.861.252	7.519.270.892
11	3. Chi phí hoạt động kinh doanh, giá vốn hàng bán	22	(19.880.131.516)	(18.276.716.877)
20	4. Lỗ gộp từ hoạt động kinh doanh		(15.050.270.264)	(10.757.445.985)
21	5. Doanh thu hoạt động tài chính	23	55.559.016.395	34.942.725.359
22	6. Chi phí tài chính	24	(26.653.304.350)	(11.385.319.030)
25	7. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	(7.367.202.488)	(8.849.783.965)
30	8. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		6.488.239.293	3.950.176.379
31	9. Thu nhập khác		750.182.726	742.765.790
32	10. Chi phí khác		(839.152.008)	(742.765.790)
40	11. Lỗ khác		(88.969.282)	-
50	12. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		6.399.270.011	3.950.176.379
51	13. Chi phí thuế TNDN hiện hành	26.1	(52.423.738)	-
60	14. Lợi nhuận sau thuế TNDN		6.346.846.273	3.950.176.379
70	15. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	27	323	228

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Ngày 25 tháng 3 năm 2026

Người lập:



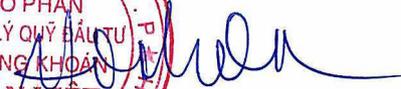
Bà Trần Thị Thanh Tâm
Kế toán

Người kiểm soát:



Bà Trần Đỗ Quyên
Kế toán Trưởng

Người phê duyệt:




Ông Phạm Phó Hop
Tổng Giám đốc

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bản Việt

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

B03-CTQ

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay VND	Năm trước VND
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	1. Tiền thu từ hoạt động nghiệp vụ, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác		774.751.124.791	659.913.791.669
02	2. Tiền chi trả cho hoạt động nghiệp vụ và người cung cấp hàng hóa, dịch vụ		(769.173.844.552)	(630.790.489.286)
03	3. Tiền chi trả lương cho người lao động		(14.935.124.465)	(13.122.933.333)
05	4. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(52.423.738)	-
06	5. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		1.024.738.447	686.655.908
07	6. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(2.972.464.715)	(3.039.821.160)
20	Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động kinh doanh		(11.357.994.232)	13.647.203.798
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		-	(105.000.000)
23	2. Tiền chi mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(7.100.000.000)	(100.000.000)
24	3. Tiền thu từ thanh lý các khoản đầu tư công cụ nợ của đơn vị khác		4.100.000.000	-
25	4. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		(2.500.000.000)	-
26	5. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		2.500.000.000	-
27	6. Tiền thu cổ tức và lợi nhuận được chia		3.066.147.124	2.576.409.872
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		66.147.124	2.371.409.872
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
31	Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu		23.144.250.000	-
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		23.144.250.000	-
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		11.852.402.892	16.018.613.670
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm	4	89.051.613.777	73.033.000.107
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	4	100.904.016.669	89.051.613.777

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Ngày 25 tháng 3 năm 2026

Người lập:



Bà Trần Thị Thanh Tâm
Kế toán

Người kiểm soát:



Bà Trần Đỗ Quyên
Kế toán Trưởng

Người phê duyệt:



Ông Phạm Phò Hop
Tổng Giám đốc

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bản Việt

BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

B05-CTQ

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số đầu năm		Số tăng/(giảm)				Số cuối năm	
		Ngày 1 tháng 1 năm 2024 VND	Ngày 1 tháng 1 năm 2025 VND	Năm 2024		Năm 2025		Ngày 31 tháng 12 năm 2024 VND	Ngày 31 tháng 12 năm 2025 VND
				Tăng VND	Giảm VND	Tăng VND	Giảm VND		
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	16	130.000.000.000	130.000.000.000	-	-	70.000.000.000	-	130.000.000.000	200.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần		(2.608.500.000)	(2.608.500.000)	-	-	2.913.750.000	-	(2.608.500.000)	305.250.000
3. Quỹ dự phòng tài chính		-	-	-	-	-	-	-	-
4. Các Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		3.606.859.427	3.606.859.427	-	-	-	(3.606.859.427)	3.606.859.427	-
5. Lợi nhuận chưa phân phối		71.581.686.462	75.531.862.841	3.950.176.379	-	6.346.846.273	(46.128.140.573)	75.531.862.841	35.750.568.541
TỔNG CỘNG		202.580.045.889	206.530.222.268	3.950.176.379	-	79.260.596.273	(49.735.000.000)	206.530.222.268	236.055.818.541

Ngày 28 tháng 2 năm 2025, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước ("UBCK") ban hành Giấy phép điều chỉnh số 17/GPĐC-UBCK. Theo đó, UBCK chấp thuận cho Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bản Việt tăng vốn điều lệ bằng tiền từ 130.000.000.000 VND lên 150.265.000.000 VND.

Trong năm, Công ty cũng phát hành cổ phiếu từ nguồn Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối để tăng vốn cổ phần. Ngày 10 tháng 9 năm 2025, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước ("UBCK") ban hành Giấy phép điều chỉnh số 85/GPĐC-UBCK. Theo đó, UBCK chấp thuận cho Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bản Việt tăng vốn điều lệ từ 150.265.000.000 VND lên 200.000.000.000 VND.

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Ngày 25 tháng 3 năm 2026

Người lập:



Bà Trần Thị Thanh Tâm
Kế toán

Người kiểm soát:



Bà Trần Đỗ Quyên
Kế toán Trưởng

Người phê duyệt:



Ông Phạm Phú Hợp
Tổng Giám đốc

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bản Việt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

B09-CTQ

tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN DOANH NGHIỆP

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bản Việt (“Công ty”) là công ty cổ phần được thành lập và hoạt động theo Giấy phép hoạt động số 08/UBCK-GPHĐQLQ ngày 25 tháng 10 năm 2006 và Giấy phép điều chỉnh gần nhất số 85/GPĐC-UBCK ngày 10 tháng 9 năm 2025 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp; và theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0304524894 ngày 28 tháng 8 năm 2006 và các Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh sửa đổi, bổ sung do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Hoạt động chính của Công ty là lập và quản lý các quỹ đầu tư chứng khoán, các danh mục đầu tư ủy thác và tư vấn đầu tư chứng khoán tại Việt Nam.

Công ty có trụ sở chính tại Tầng 5, Tòa nhà HM Town, Số 412 Nguyễn Thị Minh Khai, Phường Bàn Cờ, Thành phố Hồ Chí Minh.

Số lượng nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 là 22 người (Ngày 31 tháng 12 năm 2024: 23 người).

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH

2.1 Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính của Công ty được trình bày bằng đồng Việt Nam (“VND”) phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các chính sách kế toán được quy định tại Thông tư số 125/2011/TT-BTC ngày 5 tháng 9 năm 2011 của Bộ tài chính về hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty quản lý quỹ, Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 27 - Báo cáo tài chính và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành theo:

- ▶ Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- ▶ Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- ▶ Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- ▶ Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- ▶ Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính được trình bày kèm theo và việc sử dụng các báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục, nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

2.2 Hình thức sổ kế toán áp dụng

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Công ty là Nhật ký chung.

2.3 Niên độ kế toán

Niên độ kế toán của Công ty bắt đầu vào ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

2.4 Đơn vị tiền tệ trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong công tác kế toán của Công ty là đồng Việt Nam (“VND”).

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

2.5 Quy định kế toán mới đã ban hành nhưng chưa có hiệu lực

Ngày 27 tháng 10 năm 2025, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 99/2025/TT-BTC hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp ("Thông tư 99"), thay thế Thông tư số 200/2014/TT BTC hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp do Bộ Tài chính ban hành ngày 22 tháng 12 năm 2014 và một số quy định khác có liên quan. Thông tư 99 có hiệu lực từ ngày 1 tháng 1 năm 2026 và áp dụng cho các doanh nghiệp có năm tài chính bắt đầu từ hoặc sau ngày 1 tháng 1 năm 2026.

Công ty đang trong quá trình đánh giá tác động của Thông tư 99 đối với việc lập và trình bày báo cáo tài chính và sẽ áp dụng Thông tư 99 cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Các chính sách kế toán của Công ty sử dụng để lập báo cáo tài chính được áp dụng nhất quán với với các chính sách đã được sử dụng để lập báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024.

3.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền gửi giao dịch tại công ty chứng khoán, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

3.2 Các khoản đầu tư

Chứng khoán kinh doanh

Chứng khoán kinh doanh là các chứng khoán được Công ty nắm giữ vì mục đích kinh doanh, tức là mua và bán ra để thu lợi trong thời gian ngắn. Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận theo giá thực tế mua chứng khoán (giá gốc), bao gồm: Giá mua cộng (+) các chi phí mua (nếu có) như chi phí môi giới, giao dịch, cung cấp thông tin, thuế, lệ phí và phí ngân hàng.

Đầu tư vào các công ty liên kết

Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết mà trong đó Công ty có ảnh hưởng đáng kể được trình bày theo giá gốc.

Các khoản phân phối từ lợi nhuận thuần lũy kế của các công ty liên kết sau ngày Công ty có ảnh hưởng đáng kể được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty. Các khoản phân phối từ trước thời điểm nắm giữ quyền kiểm soát được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được ghi nhận theo giá gốc.

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Các khoản suy giảm giá trị của khoản đầu tư nếu phát sinh được hạch toán vào chi phí tài chính trong năm trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.2 Các khoản đầu tư (tiếp theo)

Dự phòng giảm giá trị các khoản đầu tư

Dự phòng cho việc giảm giá trị của các khoản đầu tư được lập khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy có sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư này vào ngày kết thúc năm tài chính.

Tăng hoặc giảm số dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Theo hướng dẫn của Thông tư số 48/2019/TT-BTC được sửa đổi bởi Thông tư 24/2022/TT-BTC, căn cứ báo cáo tài chính riêng của tổ chức kinh tế nhận vốn góp lập cùng thời điểm lập báo cáo tài chính năm của doanh nghiệp góp vốn, doanh nghiệp góp vốn xác định mức trích dự phòng cho từng khoản đầu tư như sau:

$$\begin{array}{l} \text{Mức trích} \\ \text{dự phòng} \\ \text{cho} \\ \text{từng khoản} \\ \text{đầu tư} \end{array} = \begin{array}{l} \text{Tỷ lệ sở hữu vốn điều} \\ \text{lệ thực góp (\%)} \text{ của} \\ \text{doanh nghiệp tại tổ} \\ \text{chức kinh tế nhận vốn} \\ \text{góp tại thời điểm trích} \\ \text{lập dự phòng} \end{array} \times \begin{array}{l} \text{Vốn đầu tư thực tế} \\ \text{của các chủ sở hữu} \\ \text{ở tổ chức kinh tế} \\ \text{nhận vốn góp tại} \\ \text{thời điểm trích lập} \\ \text{dự phòng} \end{array} - \begin{array}{l} \text{Vốn chủ sở hữu} \\ \text{của tổ chức kinh} \\ \text{tế nhận vốn góp} \\ \text{tại thời điểm trích} \\ \text{lập dự phòng} \end{array}$$

3.3 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Các khoản phải thu được xem xét trích lập dự phòng rủi ro theo tuổi nợ quá hạn của khoản nợ hoặc theo tổn thất dự kiến có thể xảy ra trong trường hợp khoản nợ chưa đến hạn thanh toán nhưng tổ chức kinh tế lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể; người nợ mất tích, bỏ trốn, đang bị các cơ quan pháp luật truy tố, giam giữ, xét xử, đang thi hành án hoặc đang mắc bệnh hiểm nghèo (có xác nhận của bệnh viện) hoặc đã chết hoặc khoản nợ đã được doanh nghiệp khởi kiện đòi nợ nhưng bị đình chỉ giải quyết vụ án. Chi phí dự phòng phát sinh được hạch toán vào "*Chi phí quản lý doanh nghiệp*" hoặc "*Chi phí hoạt động kinh doanh, giá vốn hàng bán*" trong năm.

Đối với các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán thì mức trích lập dự phòng theo hướng dẫn của Thông tư số 48/2019/TT-BTC được sửa đổi bởi Thông tư 24/2022/TT-BTC. Chi tiết tỷ lệ trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi như sau:

<i>Thời gian quá hạn</i>	<i>Mức trích dự phòng</i>
Từ sáu (6) tháng đến dưới một (1) năm	30%
Từ một (1) năm đến dưới hai (2) năm	50%
Từ hai (2) năm đến dưới ba (3) năm	70%
Từ ba (3) năm trở lên	100%

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.4 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước của chi phí tương ứng với các lợi ích kinh tế được tạo ra từ các chi phí này.

Các loại chi phí sau đây được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh .

- ▶ Chi phí trả trước thuê bao dữ liệu phần mềm;
- ▶ Chi phí bảo hiểm sức khỏe nhân viên;
- ▶ Chi phí dịch vụ mua ngoài.

3.5 Tài sản cố định

Tài sản cố định được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao hay hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định là toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được ghi tăng nguyên giá của tài sản cố định; chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh .

3.6 Khấu hao và hao mòn

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Nâng cấp văn phòng	5 năm
Thiết bị văn phòng	3 - 5 năm
Phần mềm máy vi tính	3 năm

3.7 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.8 *Vốn nhận ủy thác và tài sản ủy thác*

Vốn nhận ủy thác và tài sản ủy thác hình thành từ việc sử dụng vốn nhận ủy thác từ các nhà đầu tư được ghi nhận và theo dõi trên các chỉ tiêu ngoài bảng cân đối kế toán của Công ty.

Các khoản phải thu của nhà đầu tư ủy thác phát sinh từ các khoản đầu tư ủy thác như: khoản lãi của khoản đầu tư ủy thác đã đến kỳ thu nhưng chưa thu được, các quyền lợi khác mà nhà đầu tư ủy thác được hưởng và các khoản phải thu khác được ghi nhận và theo dõi trên các chỉ tiêu ngoài bảng cân đối kế toán của Công ty.

Các khoản phải trả của nhà đầu tư ủy thác như các khoản phí phải trả cho Công ty và các khoản phải trả khác được ghi nhận và theo dõi trên các chỉ tiêu ngoài bảng cân đối kế toán của Công ty.

3.9 *Lợi ích của nhân viên*

3.9.1 *Trợ cấp nghỉ hưu*

Nhân viên Công ty khi nghỉ hưu sẽ được nhận trợ cấp về hưu từ Bảo hiểm Xã hội thuộc Bộ Lao động và Thương binh Xã hội. Công ty đóng bảo hiểm xã hội cho mỗi nhân viên bằng 17,5% lương cơ bản hàng tháng, phụ cấp lương và các khoản bổ sung khác hàng tháng. Ngoài ra, Công ty không phải có một nghĩa vụ nào khác về trợ cấp nghỉ hưu của nhân viên.

3.9.2 *Trợ cấp thôi việc*

Theo quy định hiện hành, Công ty có nghĩa vụ chi trả trợ cấp thôi việc bằng một nửa tháng lương cho mỗi năm làm việc tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 cộng với các trợ cấp khác (nếu có) cho những nhân viên tự nguyện thôi việc. Thời gian để tính trợ cấp thôi việc là tổng thời gian người lao động đã làm việc thực tế cho người sử dụng lao động trừ đi thời gian người lao động đã tham gia bảo hiểm thất nghiệp theo quy định của pháp luật về bảo hiểm thất nghiệp và thời gian làm việc đã được người sử dụng lao động chi trả trợ cấp thôi việc, trợ cấp mất việc làm. Từ ngày 1 tháng 1 năm 2009, mức lương bình quân tháng được tính để thanh toán trợ cấp thôi việc sẽ căn cứ theo mức lương bình quân của sáu tháng gần nhất tính đến thời điểm người lao động thôi việc.

3.9.3 *Trợ cấp thất nghiệp*

Theo quy định hiện hành, Công ty có nghĩa vụ đóng bảo hiểm thất nghiệp với mức bằng 1% quỹ tiền lương, tiền công đóng bảo hiểm thất nghiệp của những người tham gia bảo hiểm thất nghiệp và trích 1% tiền lương, tiền công tháng đóng bảo hiểm thất nghiệp của từng người lao động để đóng cùng lúc vào Quỹ Bảo hiểm Thất nghiệp.

3.10 *Vốn chủ sở hữu*

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp từ phát hành cổ phiếu được ghi vào tài khoản vốn điều lệ theo mệnh giá.

Phân chia lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng Cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ của Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.11 Các quỹ

Các quỹ của Công ty được trích lập theo Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông tại cuộc họp thường niên toàn Công ty phù hợp với các quy định pháp lý có liên quan.

3.12 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng trước khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ bao gồm doanh thu từ phí quản lý quỹ, phí quản lý danh mục đầu tư ủy thác và phí thường hoạt động được ghi nhận theo các điều khoản của hợp đồng quản lý quỹ.

Thu nhập từ kinh doanh chứng khoán

Thu nhập từ kinh doanh chứng khoán được xác định dựa trên mức chênh lệch giá bán và giá vốn bình quân của chứng khoán.

Tiền lãi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Cổ tức

Cổ tức bằng tiền nhận được từ hoạt động đầu tư được ghi nhận là thu nhập khi quyền nhận cổ tức của Công ty được xác lập. Cổ tức bằng cổ phiếu và các cổ phiếu thường nhận được không được ghi nhận là thu nhập của Công ty mà chỉ cập nhật số lượng cổ phiếu nắm giữ.

3.13 Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến được thu hồi từ hoặc phải nộp cho cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc năm tài chính.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải trả khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.13 Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày lập bảng cân đối kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng được trình bày trên báo cáo tài chính.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả những chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ:

- ▶ Tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch;
- ▶ Đối với các chênh lệch tạm thời được khấu trừ phát sinh từ các khoản đầu tư vào các công ty con, tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận khi chắc chắn là chênh lệch tạm thời sẽ được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán được và có lợi nhuận tính thuế để sử dụng được khoản chênh lệch tạm thời đó.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài chính khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc năm tài chính.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế

- ▶ Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
- ▶ Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuận hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.14 Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu và trình bày

Tài sản tài chính

Theo Thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ tài chính ban hành ngày 6 tháng 11 năm 2009 hướng dẫn áp dụng Chuẩn mực Báo cáo Tài chính Quốc tế về trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính ("Thông tư 210"), tài sản tài chính được phân loại một cách phù hợp, cho mục đích thuyết minh trong báo cáo tài chính, thành tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản cho vay và phải thu, các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn và tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Công ty quyết định việc phân loại các tài sản tài chính này tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, tài sản tài chính được xác định theo nguyên giá cộng với chi phí giao dịch trực tiếp có liên quan.

Các tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn, phải thu hoạt động nghiệp vụ và phải thu khác.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính theo phạm vi của Thông tư 210, cho mục đích thuyết minh trong báo cáo tài chính, được phân loại một cách phù hợp thành các khoản nợ phải trả tài chính được ghi nhận thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ. Công ty xác định việc phân loại các nợ phải trả tài chính tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tất cả nợ phải trả tài chính được ghi nhận ban đầu theo nguyên giá cộng các chi phí giao dịch trực tiếp có liên quan.

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán và phải trả khác.

Giá trị sau khi ghi nhận ban đầu

Hiện tại, Thông tư 210 không có hướng dẫn về việc xác định lại giá trị của các công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu. Do đó giá trị sau ghi nhận ban đầu của các công cụ tài chính đang được phản ánh theo giá gốc.

Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được bù trừ và giá trị thuần sẽ được trình bày trên bảng cân đối kế toán nếu, và chỉ nếu, Công ty có quyền hợp pháp thực hiện việc bù trừ các giá trị đã được ghi nhận này và có ý định bù trừ trên cơ sở thuần, hoặc thu được các tài sản và thanh toán nợ phải trả đồng thời.

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bản Việt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTQ

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.15 Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

3.16 Lãi trên cổ phiếu

Công ty trình bày lãi cơ bản trên cổ phiếu đối với các cổ phiếu phổ thông. Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông nắm giữ cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

3.17 Các khoản mục không có số dư

Các khoản mục không được trình bày trên báo cáo tài chính này theo Thông tư 125/2011/TT-BTC ngày 5 tháng 9 năm 2011 do Bộ Tài chính ban hành là các khoản mục không có số dư.

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Tiền mặt	21.752.427	59.531.512
Tiền gửi giao dịch chứng khoán	65.238.449.443	12.072.681.698
Tiền gửi không kỳ hạn tại ngân hàng	8.643.814.799	36.919.400.567
Tiền gửi có kỳ hạn không quá 3 tháng (*)	27.000.000.000	40.000.000.000
	100.904.016.669	89.051.613.777

(*) Số dư tại ngày 31/12/2025 bao gồm các hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn 1 tháng với lãi suất 4,75%/năm tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Bản Việt (31/12/2024: 4,30%/năm).

5. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Chứng khoán kinh doanh (i)	126.914.479.118	124.319.456.200
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (ii)	3.100.000.000	100.000.000
Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn (iii)	(152.094.658)	(31.071.395)
	129.862.384.460	124.388.384.805

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bản Việt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTQ

5. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

(i) Chứng khoán kinh doanh

	Ngày 31 tháng 12 năm 2025			Ngày 31 tháng 12 năm 2024		
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng
Cổ phiếu niêm yết và cổ phiếu đã đăng ký giao dịch trên sàn UPCoM	30.240.766.596	30.799.195.600	(152.094.658)	28.378.965.954	28.427.492.700	(31.003.742)
VCI	19.906.775.440	20.474.000.000	-	-	-	-
TLG	5.325.994.120	5.467.000.000	-	-	-	-
BVB	4.981.340.820	4.830.102.000	(151.238.820)	-	-	-
VIB	-	-	-	-	-	-
SSI	-	-	-	5.917.880.000	5.910.000.000	(7.880.000)
DGC	-	-	-	4.790.753.145	4.787.729.500	(3.023.645)
VIC	-	-	-	4.343.550.552	4.337.520.000	(6.030.552)
FPT	-	-	-	2.802.146.925	2.797.950.000	(4.196.925)
VNM	-	-	-	1.725.145.575	1.723.250.000	(1.895.575)
HCM	-	-	-	1.529.620.734	1.527.940.000	(1.680.734)
GMD	-	-	-	1.471.470.000	1.470.000.000	(1.470.000)
PNJ	-	-	-	1.293.972.712	1.373.503.200	-
TCB	-	-	-	1.254.498.432	1.253.120.000	(1.378.432)
Khác	26.656.216	28.093.600	(855.838)	1.233.732.500	1.232.500.000	(1.232.500)
				2.016.195.379	2.013.980.000	(2.215.379)
Chứng chỉ quỹ (*)	96.673.712.522	132.943.795.147	-	95.940.490.246	121.155.650.198	(67.653)
VCAMBF	75.911.450.450	108.245.615.158	-	72.752.044.058	94.641.869.034	-
VCAMFI	18.188.280.885	21.811.324.007	-	23.160.446.188	26.485.848.817	-
VCAMDF	2.573.981.187	2.886.855.982	-	28.000.000	27.932.347	(67.653)
	126.914.479.118	163.742.990.747	(152.094.658)	124.319.456.200	149.583.142.898	(31.071.395)

(*) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, Công ty nắm giữ 69,59% số lượng chứng chỉ quỹ đang lưu hành của Quỹ VCAMBF (31/12/2024: 76,34%); 46,94% số lượng chứng chỉ quỹ của Quỹ VCAMFI (31/12/2024: 37,07%) và 5,73% số lượng chứng chỉ quỹ của Quỹ Đầu Tư Bản Việt Discovery (31/12/2024: 0,06%).

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bản Việt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTQ

5. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN (tiếp theo)

(ii) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	Năm nay VND	Năm trước VND
Hợp đồng tiền gửi	3.100.000.000	100.000.000

Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 bao gồm các hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn từ 3 đến 12 tháng với lãi suất từ 4,40% đến 5,60%/năm tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Bản Việt (31/12/2024: 5,80%/năm).

(iii) Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn

Thay đổi dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn trong năm như sau:

	Năm nay VND	Năm trước VND
Số đầu năm	31.071.395	1.925.720.314
Trích lập/(hoàn nhập) dự phòng trong năm	121.023.263	(1.894.648.919)
Số cuối năm	152.094.658	31.071.395

6. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Phải thu từ bán cổ phiếu	4.996.583.865	5.215.254.500

7. PHẢI THU HOẠT ĐỘNG NGHIỆP VỤ

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Phải thu phí quản lý quỹ	282.853.214	272.418.993
Phải thu phí quản lý danh mục đầu tư	69.662.561	82.968.985
Phải thu phí phát hành và mua lại chứng chỉ quỹ	102.397.643	99.357.123
Tổng cộng	454.913.418	454.745.101

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bản Việt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTQ

8. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC

	<i>Số cuối năm</i> <i>VND</i>	<i>Số đầu năm</i> <i>VND</i>
Tạm ứng cho nhân viên	188.258.603	193.955.331
Phải thu lãi tiền gửi	76.742.740	71.824.112
Phải thu ngắn hạn khác	5.630.416	60.476.222
	270.631.759	326.255.665

9. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	<i>Số cuối năm</i> <i>VND</i>	<i>Số đầu năm</i> <i>VND</i>
Chi phí trả trước ngắn hạn	376.173.807	288.556.560
- <i>Phí thuê bao dữ liệu phần mềm</i>	212.933.333	146.719.333
- <i>Phí khám sức khỏe</i>	47.385.000	43.959.375
- <i>Phí dịch vụ tích hợp và chữ ký số</i>	42.196.000	38.841.000
- <i>Bảo hiểm nhân viên</i>	36.016.840	29.465.052
- <i>Phí bảo trì, lắp đặt</i>	19.051.200	17.020.800
- <i>Cước phí internet</i>	3.784.000	1.056.000
- <i>Khác</i>	14.807.434	11.495.000
Chi phí trả trước dài hạn	178.473.241	179.602.058
- <i>Chi phí thiết bị văn phòng</i>	131.359.222	69.933.723
- <i>Phí phần mềm trả trước</i>	10.900.517	33.024.755
- <i>Phí lưu kho</i>	4.633.200	13.899.600
- <i>Phí khám sức khỏe</i>	2.160.000	28.080.000
- <i>Chi phí nội thất văn phòng</i>	-	27.074.029
- <i>Khác</i>	29.420.302	7.589.951
	554.647.048	468.158.618

10. PHẢI THU DÀI HẠN KHÁC

	<i>Số cuối năm</i> <i>VND</i>	<i>Số đầu năm</i> <i>VND</i>
Đặt cọc thuê văn phòng	602.981.700	579.786.000
Khác	18.450.000	18.450.000
	621.431.700	598.236.000

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bản Việt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTQ

11. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH

11.1 Tài sản cố định hữu hình

	<i>Nâng cấp văn phòng VND</i>	<i>Thiết bị văn phòng VND</i>	<i>Tổng cộng VND</i>
Nguyên giá			
Số đầu năm và cuối năm	1.570.866.516	1.616.307.528	3.187.174.044
Khấu hao lũy kế			
Số đầu năm	1.090.625.973	1.368.287.913	2.458.913.886
Khấu hao trong năm	303.309.802	93.290.173	396.599.975
Số cuối năm	1.393.935.775	1.461.578.086	2.855.513.861
Giá trị còn lại			
Số đầu năm	480.240.543	248.019.615	728.260.158
Số cuối năm	176.930.741	154.729.442	331.660.183

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 là 1.248.635.545 VND (ngày 31 tháng 12 năm 2024 là 1.172.031.541 VND).

11.2 Tài sản cố định vô hình

	<i>Phần mềm máy vi tính VND</i>
Nguyên giá	
Số đầu năm và cuối năm	844.609.998
Giá trị hao mòn lũy kế	
Số đầu năm	663.776.654
Hao mòn trong năm	131.250.004
Số cuối năm	795.026.658
Giá trị còn lại	
Số đầu năm	180.833.344
Số cuối năm	49.583.340

Nguyên giá tài sản cố định vô hình đã hao mòn hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 là 739.610.000 VND (ngày 31 tháng 12 năm 2024: 424.610.000 VND).

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bản Việt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTQ

12. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	Số cuối năm			Số đầu năm		
	Tỷ lệ (%)	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Tỷ lệ (%)	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Đầu tư vào công ty liên kết						
- Công ty Cổ phần Đầu tư Việt Capital Ventures (i)	39,00	1.891.500.000	(1.049.220.050)	39,00	1.891.500.000	(725.563.932)
- Công ty Cổ phần Tư vấn Giáo dục Bản Việt (ii)	36,00	2.989.795.918	(2.989.795.918)	20,00	489.795.918	(489.795.918)
		4.881.295.918	(4.039.015.968)		2.381.295.918	(1.215.359.850)

(i) Công ty Cổ phần Đầu tư Việt Capital Ventures được thành lập theo Giấy phép Đăng ký Kinh doanh số 0315257305 ngày 5 tháng 9 năm 2018 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp. Hoạt động chính của công ty này là cung cấp dịch vụ hỗ trợ tài chính. Công ty Cổ phần Đầu tư Việt Capital Ventures bắt đầu hoạt động từ ngày 5 tháng 9 năm 2018.

(ii) Công ty Cổ phần Tư vấn Giáo dục Bản Việt được thành lập theo Giấy phép Đăng ký Kinh doanh số 0316963455 ngày 28 tháng 9 năm 2021 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp. Hoạt động chính của công ty này là cung cấp dịch vụ hỗ trợ giáo dục. Công ty Cổ phần Tư vấn Giáo dục Bản Việt bắt đầu hoạt động từ ngày 28 tháng 9 năm 2021.

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này để thuyết minh trong báo cáo tài chính này bởi vì không có thông tin về giá niêm yết trên thị trường và các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện chưa có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ của chúng.

Thay đổi dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn trong năm như sau:

	Năm nay VND	Năm trước VND
Số đầu năm	(1.215.359.850)	(1.191.190.559)
Trích lập trong năm	(2.823.656.118)	(24.169.291)
Số cuối năm	(4.039.015.968)	(1.215.359.850)

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bản Việt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTQ

13. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU/PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số đầu năm VND	Phải nộp trong năm VND	Đã trả trong năm VND	Số cuối năm VND
Thuế thu nhập doanh nghiệp	(399.032.242)	52.423.738	(52.423.738)	(399.032.242)
Thuế thu nhập cá nhân	398.011.544	2.376.143.517	(2.315.699.816)	458.455.245
	(1.020.698)	2.428.567.255	(2.368.123.554)	59.423.003
Trong đó:				
Phải thu	(399.032.242)			(399.032.242)
Phải nộp	398.011.544			458.455.245

14. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Chi phí dịch vụ chuyên môn	140.400.000	216.000.000
Chi phí phải trả ngắn hạn khác	244.715.380	184.117.432
	385.115.380	400.117.432

15. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP NGẮN HẠN KHÁC

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Phải trả mua chứng khoán	-	13.387.455.000
Phải trả phí môi giới	-	15.933.803
Phải trả khác	23.598.632	61.714.531
	23.598.632	13.465.103.334

16. VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU

Chi tiết cổ phiếu của Công ty như sau:

	Số cuối năm (cổ phiếu)	Số đầu năm (cổ phiếu)
Số lượng cổ phần đăng ký phát hành	20.000.000	13.000.000
Số lượng cổ phần đã phát hành cho cổ đông		
- Số cổ phần phổ thông	20.000.000	13.000.000
Số lượng cổ phần đang lưu hành		
- Số cổ phần phổ thông	20.000.000	13.000.000

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Công ty công bố tại từng thời điểm. Tất cả các cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Công ty.

Công ty không có cổ phiếu ưu đãi tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 và ngày 31 tháng 12 năm 2024.

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bản Việt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTQ

17. TIỀN GỬI CỦA NHÀ ĐẦU TƯ ỦY THÁC

Chi tiết số dư tiền gửi nhà đầu tư ủy thác:

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Nhà đầu tư ủy thác trong nước		
Nhà đầu tư 021715 (i)	19.420.694.990	-
Nhà đầu tư 000039 (ii)	4.856.088.255	75.803.207
Nhà đầu tư 000041 (iii)	637.694.865	1.474.001.270
Nhà đầu tư 000040 (iv)	132.277.375	263.271.971
Nhà đầu tư 729583 (v)	116.456.071	2.556.971.661
Nhà đầu tư 000043 (vi)	115.693.463	-
Nhà đầu tư 000012 (vii)	50.736.147	54.231.021
Nhà đầu tư 000011 (viii)	36.522.891	46.321.055
Nhà đầu tư 000017 (ix)	27.361.520	18.408.190
Nhà đầu tư 000010 (x)	16.251.254	2.515.629
Nhà đầu tư 000008 (xi)	1.521.310	193.666
Nhà đầu tư 000009 (xii)	1.182.474	107.658
Nhà đầu tư 000013 (xiii)	726.365	4.321.150
Nhà đầu tư 000015 (xiv)	-	11.621.617
Nhà đầu tư 486425 (xv)	-	2.267.362.640
	25.413.206.980	6.775.130.735

Chi tiết biến động tiền gửi ngân hàng trong năm của các nhà đầu tư ủy thác như sau:

(i) Nhà đầu tư 021715

	Năm nay VND	Năm trước VND
Số đầu năm	-	-
Tăng trong năm	164.919.872.371	-
- Lãi, cổ tức nhận được	205.207.371	-
- Bán chứng khoán đầu tư	104.714.665.000	-
- Nhận tiền ủy thác	60.000.000.000	-
Giảm trong năm	(145.499.177.381)	-
- Các loại phí và thuế	(2.334.552.381)	-
- Mua chứng khoán đầu tư	(143.164.625.000)	-
Số cuối năm	19.420.694.990	-

(ii) Nhà đầu tư 000039

	Năm nay VND	Năm trước VND
Số đầu năm	75.803.207	-
Tăng trong năm	65.166.238.061	8.280.742.066
- Lãi, cổ tức nhận được	109.560.811	65.483.626
- Bán chứng khoán đầu tư	50.056.677.250	5.215.258.440
- Nhận tiền ủy thác	15.000.000.000	3.000.000.000
Giảm trong năm	(60.385.953.013)	(8.204.938.859)
- Các loại phí và thuế	(226.663.013)	(36.293.783)
- Mua chứng khoán đầu tư	(60.159.290.000)	(8.168.645.076)
Số cuối năm	4.856.088.255	75.803.207

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bản Việt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTQ

17. TIỀN GỬI CỦA NHÀ ĐẦU TƯ ỦY THÁC (tiếp theo)

(iii) Nhà đầu tư 000041

	Năm nay VND	Năm trước VND
Số đầu năm	1.474.001.270	-
Tăng trong năm	89.206.747.240	64.702.473.196
- Lãi, cổ tức nhận được	1.684.188.114	658.048.196
- Bán chứng khoán đầu tư	87.522.559.126	14.044.425.000
- Nhận tiền ủy thác	-	50.000.000.000
Giảm trong năm	(90.043.053.645)	(63.228.471.926)
- Các loại phí và thuế	(280.818.645)	(132.853.697)
- Mua chứng khoán đầu tư	(89.762.235.000)	(63.095.618.229)
Số cuối năm	637.694.865	1.474.001.270

(iv) Nhà đầu tư 000040

	Năm nay VND	Năm trước VND
Số đầu năm	263.271.971	-
Tăng trong năm	7.501.050.232	3.473.683.099
- Lãi, cổ tức nhận được	6.754.032	53.088.099
- Bán chứng khoán đầu tư	7.494.296.200	2.420.595.000
- Nhận tiền ủy thác	-	1.000.000.000
Giảm trong năm	(7.632.044.828)	(3.210.411.128)
- Các loại phí và thuế	(43.662.828)	(18.395.763)
- Mua chứng khoán đầu tư	(7.058.382.000)	(3.192.015.365)
- Rút tiền ủy thác	(530.000.000)	-
Số cuối năm	132.277.375	263.271.971

(v) Nhà đầu tư 729583

	Năm nay VND	Năm trước VND
Số đầu năm	2.556.971.661	5.000.000.000
Tăng trong năm	363.286.203.944	203.947.356.570
- Lãi, cổ tức nhận được	226.903.579	68.528.509
- Bán chứng khoán đầu tư	301.466.503.224	178.922.235.000
- Nhận tiền ủy thác	28.459.000.000	20.005.000.000
- Tặng khác	33.133.797.141	4.951.593.061
Giảm trong năm	(365.726.719.534)	(206.390.384.909)
- Các loại phí và thuế	(1.487.475.627)	(839.986.774)
- Mua chứng khoán đầu tư	(324.437.999.000)	(199.667.400.000)
- Rút tiền ủy thác	(6.229.470.496)	(5.000.000)
- Chi khác	(33.571.774.411)	(5.877.998.135)
Số cuối năm	116.456.071	2.556.971.661

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bản Việt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTQ

17. TIỀN GỬI CỦA NHÀ ĐẦU TƯ ỦY THÁC (tiếp theo)

(vi) Nhà đầu tư 000043

	Năm nay VND	Năm trước VND
Số đầu năm	-	-
Tăng trong năm	39.112.505.622	-
- Lãi, cổ tức nhận được	580.964	-
- Nhận tiền ủy thác	39.111.924.658	-
Giảm trong năm	(38.996.812.159)	-
- Các loại phí và thuế	(6.812.159)	-
- Mua chứng khoán đầu tư	(38.990.000.000)	-
Số cuối năm	115.693.463	-

(vii) Nhà đầu tư 000012

	Năm nay VND	Năm trước VND
Số đầu năm	54.231.021	58.048.009
Tăng trong năm	105.126	113.012
- Lãi, cổ tức nhận được	105.126	113.012
Giảm trong năm	(3.600.000)	(3.930.000)
- Các loại phí và thuế	(3.600.000)	(3.930.000)
Số cuối năm	50.736.147	54.231.021

(viii) Nhà đầu tư 000011

	Năm nay VND	Năm trước VND
Số đầu năm	46.321.055	682.839.714
Tăng trong năm	5.376.129.184	4.427.621.608
- Lãi, cổ tức nhận được	17.265.499	19.920.587
- Bán chứng khoán đầu tư	5.358.863.685	4.407.701.021
Giảm trong năm	(5.385.927.348)	(5.064.140.267)
- Các loại phí và thuế	(78.337.348)	(41.708.630)
- Mua chứng khoán đầu tư	(4.437.590.000)	(4.022.431.637)
- Rút tiền ủy thác	(870.000.000)	(1.000.000.000)
Số cuối năm	36.522.891	46.321.055

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bản Việt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTQ

17. TIỀN GỬI CỦA NHÀ ĐẦU TƯ ỦY THÁC (tiếp theo)

(ix) Nhà đầu tư 000017

	Năm nay VND	Năm trước VND
Số đầu năm	18.408.190	23.262.652
Tăng trong năm	12.000.230.064	46.631.838.269
- Lãi, cổ tức nhận được	230.064	333.269
- Bán chứng khoán đầu tư	-	44.132.000.000
- Nhận tiền ủy thác	12.000.000.000	2.499.505.000
Giảm trong năm	(11.991.276.734)	(46.636.692.731)
- Các loại phí và thuế	(11.276.734)	(3.928.148.616)
- Mua chứng khoán đầu tư	(11.980.000.000)	-
- Rút tiền ủy thác	-	(40.208.714.225)
- Chi khác	-	(2.499.829.890)
Số cuối năm	27.361.520	18.408.190

(x) Nhà đầu tư 000010

	Năm nay VND	Năm trước VND
Số đầu năm	2.515.629	169.593
Tăng trong năm	630.225.332	2.040.973.075
- Lãi, cổ tức nhận được	39.551	36.688
- Bán chứng khoán đầu tư	630.185.781	2.006.000.000
- Tăng khác	-	34.936.387
Giảm trong năm	(616.489.707)	(2.038.627.039)
- Các loại phí và thuế	(26.489.707)	(71.590.774)
- Rút tiền ủy thác	(590.000.000)	(1.788.195.344)
- Chi khác	-	(178.840.921)
Số cuối năm	16.251.254	2.515.629

(xi) Nhà đầu tư 000008

	Năm nay VND	Năm trước VND
Số đầu năm	193.666	7.387.366
Tăng trong năm	2.258.866.812	26.525.014
- Lãi, cổ tức nhận được	96.096	9.786
- Bán chứng khoán đầu tư	2.205.594.572	-
- Nhận tiền ủy thác	-	26.515.228
- Tăng khác	53.176.144	-
Giảm trong năm	(2.257.539.168)	(33.718.714)
- Các loại phí và thuế	(64.944.596)	(33.718.714)
- Rút tiền ủy thác	(2.192.594.572)	-
Số cuối năm	1.521.310	193.666

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bản Việt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTQ

17. TIỀN GỬI CỦA NHÀ ĐẦU TƯ ỦY THÁC (tiếp theo)

(xii) Nhà đầu tư 000009

	Năm nay VND	Năm trước VND
Số đầu năm	107.658	3.826.020
Tăng trong năm	425.129.670	5.003.273
- Lãi, cổ tức nhận được	5.816	3.273
- Bán chứng khoán đầu tư	420.123.854	-
- Tăng khác	5.000.000	5.000.000
Giảm trong năm	(424.054.854)	(8.721.635)
- Các loại phí và thuế	(5.054.854)	(8.721.635)
- Rút tiền ủy thác	(419.000.000)	-
Số cuối năm	1.182.474	107.658

(xiii) Nhà đầu tư 000013

	Năm nay VND	Năm trước VND
Số đầu năm	4.321.150	8.238.122
Tăng trong năm	5.215	13.028
- Lãi, cổ tức nhận được	5.215	13.028
Giảm trong năm	(3.600.000)	(3.930.000)
- Các loại phí và thuế	(3.600.000)	(3.930.000)
Số cuối năm	726.365	4.321.150

(xiv) Nhà đầu tư 0000015

	Năm nay VND	Năm trước VND
Số đầu năm	11.621.617	15.523.962
Tăng trong năm	12.323	27.655
- Lãi, cổ tức nhận được	12.323	27.655
Giảm trong năm	(11.633.940)	(3.930.000)
- Các loại phí và thuế	(3.585.000)	(3.930.000)
- Rút tiền ủy thác	(8.048.940)	-
Số cuối năm	-	11.621.617

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bản Việt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTQ

17. TIỀN GỬI CỦA NHÀ ĐẦU TƯ ỦY THÁC (tiếp theo)

(xv) Nhà đầu tư 486425

	Năm nay VND	Năm trước VND
Số đầu năm	2.267.362.640	-
Tăng trong năm	18.442.081.964	22.727.441.472
- Lãi, cổ tức nhận được	67.081.964	77.296.476
- Bán chứng khoán đầu tư	18.375.000.000	13.850.145.000
- Nhận tiền ủy thác	-	8.799.999.996
Giảm trong năm	(20.709.444.604)	(20.460.078.832)
- Các loại phí và thuế	(178.352.240)	(65.353.832)
- Mua chứng khoán đầu tư	(11.789.740.000)	(20.394.725.000)
- Rút tiền ủy thác	(8.741.352.364)	-
Số cuối năm	-	2.267.362.640

Chi tiết biến động tiền nhà đầu tư ủy thác trong năm như sau:

	Năm nay VND	Năm trước VND
Số đầu năm	6.775.130.735	15.732.181.232
Tăng trong năm	768.325.403.160	758.284.349.851
Giảm trong năm	(749.687.326.915)	(767.241.400.348)
Số cuối năm	25.413.206.980	6.775.130.735

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bản Việt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTQ

18. DANH MỤC ĐẦU TƯ CỦA NHÀ ĐẦU TƯ ỦY THÁC

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Cổ phiếu niêm yết và đăng ký giao dịch	157.254.706.695	81.708.762.010
<i>Trong đó, phần giá trị suy giảm của các cổ phiếu bị giảm giá trị:</i>		
ACB	1.072.548.599	-
MBS	940.096.287	33.329.992
TPB	898.754.418	-
DIG	718.285.714	-
VIB	684.110.814	-
KSB	636.343.594	-
HPG	503.550.224	67.910.552
IDC	430.532.656	151.964.091
VLC	284.922.297	-
FPT	272.791.600	-
VIX	263.119.489	-
FCN	170.742.421	-
VRE	159.303.536	-
DCM	106.878.850	-
PLX	95.328.716	-
PC1	64.116.499	-
TCB	50.765.350	-
TLG	40.133.253	-
HAH	5.733.507	-
SHS	4.561.007	-
VPB	180.345	-
SSI	-	261.220.237
CMG	-	191.906.350
VNM	-	117.004.017
CTR	-	93.852.806
BID	-	88.664.718
HDG	-	74.453.249
VHC	-	37.998.490
BVH	-	37.206.000
QTP	-	33.799.050
VEA	-	11.336.200
TNG	-	10.467.012
DGC	-	8.700.865
VGT	-	4.403.400
GMD	-	2.442.529
BFC	-	2.331.336
VGC	-	1.875.470
DPG	-	1.613.086
VLB	-	64.500
Cổ phiếu chưa niêm yết	76.656.266.500	35.676.266.500
CTCP Công nghệ Ecotruck	-	9.990.000.000
CTCP CMEGO	17.471.250.000	17.471.250.000
CTCP E2	3.215.516.500	3.215.516.500
CTCP Đầu Tư Uppingham School Vietnam	16.979.500.000	4.999.500.000
CTCP Uppingham School Vietnam - Hưng Yên	38.990.000.000	-
	233.910.973.195	117.385.028.510

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bản Việt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTQ

19. CÁC KHOẢN PHẢI THU CỦA NHÀ ĐẦU TƯ ỦY THÁC

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Phải thu tiền bán chứng khoán	-	19.650.750
Phải thu cổ tức	-	108.275.000
	-	127.925.750

20. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ CỦA NHÀ ĐẦU TƯ ỦY THÁC

	Ngày 31 tháng 12 năm 2025 VND	Ngày 31 tháng 12 năm 2024 VND
Phải trả phí quản lý	63.333.862	82.968.985
Phải trả mua chứng khoán	-	12.243.338
Phải trả công ty chứng khoán	3.545.310.000	-
Phải trả ngân hàng lưu ký	16.335.659	13.022.969
	3.624.979.521	108.235.292

21. DOANH THU THUẦN VỀ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

	Năm nay VND	Năm trước VND
Doanh thu từ hoạt động quản lý quỹ (*)	3.250.833.191	3.450.898.842
Doanh thu từ hoạt động quản lý danh mục đầu tư	520.545.035	224.818.567
Doanh thu từ hoạt động tư vấn đầu tư	-	180.000.000
Doanh thu từ phí thưởng hiệu quả hoạt động quản lý danh mục	482.709.265	3.163.490.641
Doanh thu khác	575.773.761	500.062.842
	4.829.861.252	7.519.270.892

(*) Công ty hiện đang quản lý Quỹ Đầu tư Cân bằng Bản Việt ("VCAMBF"), Quỹ Đầu tư Trái phiếu Bản Việt ("VCAMFI") và Quỹ Đầu tư Bản Việt Discovery ("VCAMDF") là các quỹ đầu tư được thành lập tại Việt Nam. Thông tin chi tiết về các quỹ này như sau:

Tên viết tắt	Hoạt động chính	Giấy Chứng nhận Đăng ký	Giá trị tài sản ròng tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 VND	Giá trị tài sản ròng tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 VND
VCAMBF	Quỹ mở	Số 03/GCN-UBCK ngày 2 tháng 4 năm 2019	155.556.615.801	123.975.994.784
VCAMFI	Quỹ mở	Số 313/GCN-UBCK ngày 10 tháng 9 năm 2025	46.463.895.272	71.443.851.520
VCAMDF	Quỹ mở	Số 51/GCN-UBCK ngày 24 tháng 5 năm 2024	50.378.399.000	48.744.767.189

Theo điều lệ quỹ của VCAMBF, Công ty được nhận phí quản lý hàng tháng với tỷ lệ 1,2%/năm tính trên tổng giá trị tài sản ròng của VCAMBF.

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bản Việt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTQ

21. DOANH THU THUẦN VỀ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (tiếp theo)

Theo điều lệ quỹ của VCAMFI, Công ty được nhận phí quản lý hàng tháng với tỷ lệ 1,0%/năm tính trên tổng giá trị tài sản ròng của VCAMFI. Từ ngày 21 tháng 1 năm 2025, Công ty được nhận phí quản lý hàng tháng với tỷ lệ 1,4%/năm tính trên tổng giá trị tài sản ròng của VCAMFI.

Theo điều lệ quỹ của VCAMDF, Công ty được nhận phí quản lý hàng tháng với tỷ lệ 1,5%/năm tính trên tổng giá trị tài sản ròng của VCAMDF.

Công ty cũng được nhận phí từ việc phát hành và mua lại chứng chỉ quỹ của VCAMBF, VCAMFI và VCAMDF lần lượt là 0,5% giá trị đăng ký mua và 0% đến 1% giá trị bán thực hiện tùy thời gian nắm giữ.

22. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH, GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	<i>Năm nay</i> <i>VND</i>	<i>Năm trước</i> <i>VND</i>
Chi phí nhân viên	13.604.834.750	12.103.999.038
Chi phí hoạt động quản lý	2.741.663.453	2.877.058.211
Chi phí thuê văn phòng	1.931.758.719	1.769.907.550
Chi phí tư vấn quản lý quỹ	458.339.869	248.533.335
Chi phí khấu hao và hao mòn tài sản cố định	387.389.439	413.921.949
Chi phí khác	756.145.286	863.296.794
	19.880.131.516	18.276.716.877

23. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	<i>Năm nay</i> <i>VND</i>	<i>Năm trước</i> <i>VND</i>
Lãi do thanh lý các khoản đầu tư ngắn hạn	52.487.950.643	32.504.272.882
Cổ tức, lợi nhuận được chia	2.752.249.500	1.810.839.800
Lãi tiền gửi ngân hàng	318.816.252	627.612.677
	55.559.016.395	34.942.725.359

24. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	<i>Năm nay</i> <i>VND</i>	<i>Năm trước</i> <i>VND</i>
Lỗ do thanh lý các khoản đầu tư ngắn hạn	23.708.624.969	13.255.798.658
Trích lập/(hoàn nhập) dự phòng giảm giá các khoản đầu tư	2.944.679.381	(1.870.479.628)
	26.653.304.350	11.385.319.030

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bản Việt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTQ

25. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	<i>Năm nay</i> <i>VND</i>	<i>Năm trước</i> <i>VND</i>
Chi phí nhân viên quản lý	4.918.763.752	5.027.843.851
Chi phí thuê văn phòng	703.719.057	741.505.167
Chi phí thù lao Hội đồng quản trị	161.155.500	194.727.500
Chi phí dịch vụ tư vấn	168.344.290	1.015.685.359
Chi phí khấu hao và hao mòn	140.460.540	173.292.744
Thuế, phí, lệ phí	40.186.860	106.491.688
Khác	1.234.572.489	1.590.237.656
	7.367.202.488	8.849.783.965

26. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Công ty tạm tính thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") với mức thuế suất là 20% (năm trước: 20%) lợi nhuận tính thuế trong năm theo quy định hiện hành.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

26.1 Thuế TNDN hiện hành

Thuế TNDN hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của năm hiện tại. Thu nhập chịu thuế khác với thu nhập được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các năm trước và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế thu nhập hiện hành phải trả của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc năm tài chính.

Dưới đây là đối chiếu chi phí thuế TNDN và kết quả của lợi nhuận kế toán trước thuế nhân với thuế suất thuế TNDN:

	<i>Năm nay</i> <i>VND</i>	<i>Năm trước</i> <i>VND</i>
Lợi nhuận kế toán trước thuế	6.399.270.011	3.950.176.379
Thuế TNDN theo thuế suất 20% áp dụng cho Công ty (năm trước: 20%)	1.279.854.002	790.035.276
<i>Các khoản điều chỉnh tăng</i>		
- Chi phí không được khấu trừ khi tính thuế TNDN	339.653.716	229.671.613
<i>Các khoản điều chỉnh giảm</i>		
- Doanh thu cổ tức không chịu thuế	(550.449.900)	(362.167.960)
- Lỗi năm trước chuyển sang	(1.069.057.818)	(657.538.929)
Chi phí thuế TNDN ước tính	-	-
Điều chỉnh chi phí thuế TNDN của các năm trước	52.423.738	-
Chi phí thuế TNDN trong năm	52.423.738	-

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bản Việt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTQ

26. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH (tiếp theo)

26.2 Lỗ chuyển sang từ năm trước

Công ty được phép chuyển các khoản lỗ tính thuế sang năm sau để bù trừ với lợi nhuận thu được trong vòng 5 năm kể từ sau năm phát sinh khoản lỗ đó. Tại ngày kết thúc năm tài chính, Công ty có các khoản lỗ lũy kế với tổng giá trị là 6.390.947.421 VND (Ngày 31 tháng 12 năm 2024: 11.736.236.510 VND) có thể sử dụng để bù trừ với lợi nhuận phát sinh trong tương lai. Chi tiết như sau:

Năm phát sinh (*)	Năm cuối chuyển lỗ	Lỗ tính thuế VND	Số lỗ tính thuế đã sử dụng đến cuối năm trước VND	Chuyển lỗ trong năm VND	Số lỗ tính thuế chưa sử dụng tại cuối năm này VND
2022	2027	15.301.274.567	3.565.038.057	5.345.289.089	6.390.947.421

(*) Lỗ tính thuế ước tính theo tờ khai thuế của Công ty chưa được cơ quan thuế địa phương quyết toán vào ngày lập báo cáo tài chính này.

26.3 Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận

Công ty chưa ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại đối với các khoản mục sau do không ước tính được chắc chắn thu nhập chịu thuế trong tương lai:

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Chênh lệch tạm thời VND	Giá trị tính thuế VND	Chênh lệch tạm thời VND	Giá trị tính thuế VND
Lỗ thuế chuyển sang từ năm trước	6.390.947.421	1.278.189.484	11.736.236.510	2.347.247.302

27. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	Năm nay	Năm trước (Trình bày lại)
Lợi nhuận thuần phân bổ cho các cổ đông của Công ty (VND)	6.346.846.273	3.950.176.379
Số cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong năm (cổ phiếu)	19.630.516	17.302.765
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	323	228

Bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông cho năm 2024 đã được điều chỉnh lại so với số liệu đã trình bày trong báo cáo tài chính năm 2024 để phản ánh việc phát hành cổ phiếu từ nguồn Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối với tỷ lệ 33,09819% thực hiện trong năm 2025.

28. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Giao dịch với các bên liên quan là các giao dịch được thực hiện với các bên có liên quan với Công ty. Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Một bên được coi là bên có liên quan với Công ty nếu:

- (a) Trực tiếp hoặc gián tiếp qua một hay nhiều bên trung gian, bên này:
 - ▶ kiểm soát, được kiểm soát bởi, hoặc dưới sự kiểm soát chung với Công ty (bao gồm Công ty mẹ và các công ty con);
 - ▶ có vốn góp vào Công ty và do đó có sự ảnh hưởng đáng kể tới Công ty; hoặc
 - ▶ có quyền đồng kiểm soát Công ty;
- (b) Bên liên quan là công ty liên doanh, liên kết mà Công ty là một bên liên doanh, liên kết;
- (c) Bên liên quan có thành viên là nhân sự chủ chốt của Công ty hoặc Công ty mẹ;
- (d) Bên liên quan là thành viên mật thiết trong gia đình của bất kỳ cá nhân nào đã nêu trong điểm (a) hoặc (c); hoặc
- (e) Bên liên quan là một tổ chức được trực tiếp hoặc gián tiếp kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc chịu ảnh hưởng đáng kể bởi, hoặc quyền biểu quyết đáng kể trong tổ chức này tập trung vào, bất kỳ cá nhân nào được đề cập đến trong điểm (c) hoặc (d).

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bản Việt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
 tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTQ

28. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Những giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong năm bao gồm:

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Năm nay VND</i>	<i>Năm trước VND</i>
Công ty Cổ phần Đầu tư Việt Capital Ventures	Công ty liên kết	Phí quản lý danh mục đầu tư	1.354.854	5.389.962
Công ty Cổ phần Tư vấn Giáo dục Bản Việt	Công ty liên kết	Đầu tư vào công ty liên kết	2.500.000.000	-
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Bản Việt	Bên liên quan	Gửi tiền gửi có kỳ hạn Rút tiền gửi có kỳ hạn Nhận lãi tiền gửi có kỳ hạn	39.100.000.000 (49.100.000.000) 208.031.781	211.400.000.000 (218.300.000.000) 572.241.919
VCAMBF	Quỹ được Quản lý	Phí quản lý quỹ Mua chứng chỉ quỹ Bán chứng chỉ quỹ	1.616.589.544 11.964.000.000 (12.998.023.547)	1.406.132.544 47.270.000.000 (46.680.496.000)
VCAMFI	Quỹ được Quản lý	Phí quản lý quỹ Mua chứng chỉ quỹ Bán chứng chỉ quỹ	873.410.671 48.000.000 (6.087.715.000)	1.559.805.380 47.000.000 (2.035.841.322)
VCAMDF	Quỹ được Quản lý	Phí quản lý quỹ Mua chứng chỉ quỹ Bán chứng chỉ quỹ	760.832.976 2.560.000.000 (14.291.468)	484.960.918 28.000.000 -
Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Tổng giám đốc		Lương, thù lao trợ cấp	5.281.900.000	4.293.180.000

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bản Việt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
 tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTQ

28. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Số dư các khoản phải thu/phải trả với các bên liên quan tại thời điểm cuối năm như sau:

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Số cuối năm VND</i>	<i>Số đầu năm VND</i>
Công ty Cổ phần Đầu tư Việt Capital Ventures	Công ty liên kết	Đầu tư vào công ty liên kết Phải thu phí quản lý	1.891.500.000 -	1.891.500.000 5.389.962
Công ty Cổ phần Tư vấn Giáo dục Bản Việt	Công ty liên kết	Đầu tư vào công ty liên kết	2.989.795.918	489.795.918
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Bản Việt	Bên liên quan	Tiền gửi có kỳ hạn Tiền gửi không kỳ hạn Phải thu lãi tiền gửi có kỳ hạn	30.100.000.000 51.241.332 76.742.740	40.100.000.000 158.573.106 71.824.112
VCAMBF	Quỹ được Quản lý	Đầu tư ngắn hạn Phải thu phí quản lý Phải thu phí phát hành và mua lại chứng chỉ quỹ	75.911.450.450 155.315.801 94.930.497	72.752.044.058 133.745.732 68.760.585
VCAMFI	Quỹ được Quản lý	Đầu tư ngắn hạn Phải thu phí quản lý Phải thu phí phát hành và mua lại chứng chỉ quỹ	18.188.280.885 62.843.316 961.867	23.160.446.188 74.085.020 309.443
VCAMDF	Quỹ được Quản lý	Đầu tư ngắn hạn Phải thu phí quản lý Phải thu phí phát hành và mua lại chứng chỉ quỹ	2.573.981.187 64.694.097 6.505.279	28.000.000 64.493.241 30.382.095

29. QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH

Công ty có rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Nghiệp vụ quản lý rủi ro là nghiệp vụ không thể thiếu cho toàn bộ hoạt động kinh doanh của Công ty. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Tổng Giám đốc liên tục theo dõi quy trình quản lý rủi ro của Công ty để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Tổng giám đốc xem xét và thống nhất áp dụng các chính sách quản lý cho những rủi ro nói trên như sau:

29.1 Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Giá thị trường có bốn loại rủi ro: rủi ro lãi suất, rủi ro tiền tệ, rủi ro giá hàng hóa và rủi ro về giá khác, chẳng hạn như rủi ro về giá cổ phần. Công cụ tài chính bị ảnh hưởng bởi rủi ro thị trường bao gồm các khoản tiền gửi, các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến các khoản tiền gửi và trái phiếu đầu tư của Công ty.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho Công ty và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

Công ty không thực hiện phân tích độ nhạy đối với lãi suất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 vì các khoản tiền gửi của Công ty có lãi suất cố định.

Rủi ro về giá cổ phiếu

Các cổ phiếu đã niêm yết và chưa niêm yết do Công ty nắm giữ bị ảnh hưởng bởi các rủi ro thị trường phát sinh từ tính không chắc chắn về giá trị tương lai của cổ phiếu đầu tư. Công ty quản lý rủi ro về giá cổ phiếu bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư. Hội đồng Quản trị của Công ty cũng xem xét và phê duyệt các quyết định đầu tư vào cổ phiếu.

29.2 Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro khi một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng mà khách hàng không thực hiện các nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính. Công ty có rủi ro tín dụng từ hoạt động tài chính của mình, bao gồm tiền gửi ngân hàng, tiền gửi giao dịch tại công ty chứng khoán, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác.

Tiền gửi ngân hàng và các khoản tương đương tiền của Công ty chủ yếu được gửi tại các tổ chức tài chính danh tiếng. Tổng Giám đốc không nhận thấy có rủi ro tín dụng trọng yếu nào từ các khoản tiền gửi này và không cho rằng các tổ chức tài chính này có thể mất khả năng trả nợ và gây tổn thất cho Công ty.

Công ty cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bản Việt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTQ

29. QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

29.3 Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty giám sát rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền mặt và các khoản tương đương tiền ở mức mà Tổng Giám đốc cho là đủ để đáp ứng cho các hoạt động của Công ty và để giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

Bảng dưới đây tổng hợp thời hạn thanh toán của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính của Công ty:

	Bất kỳ thời điểm nào VND	Dưới 3 tháng VND	Từ 3 tháng đến 1 năm VND	Từ 1 năm đến 5 năm VND	Tổng cộng VND
Ngày 31 tháng 12 năm 2025					
Tài sản tài chính					
Tiền và các khoản tương đương tiền	73.904.016.669	27.000.000.000	-	-	100.904.016.669
Đầu tư ngắn hạn - gộp	126.914.479.118	-	3.100.000.000	-	130.014.479.118
Các khoản phải thu ngắn hạn	-	4.996.583.865	-	-	4.996.583.865
Phải thu từ hoạt động nghiệp vụ	-	454.913.418	-	-	454.913.418
Các khoản phải thu khác	-	82.373.156	188.258.603	-	270.631.759
Phải thu dài hạn khác	-	-	-	621.431.700	621.431.700
Đầu tư dài hạn vào công ty liên kết	-	-	-	4.881.295.918	4.881.295.918
	200.818.495.787	32.533.870.439	3.288.258.603	5.502.727.618	242.143.352.447
Nợ phải trả tài chính					
Chi phí phải trả	-	385.115.380	-	-	385.115.380
Phải trả ngắn hạn khác	-	23.598.632	-	-	23.598.632
	-	408.714.012	-	-	408.714.012
Trạng thái thanh khoản ròng	200.818.495.787	32.125.156.427	3.288.258.603	5.502.727.618	241.734.638.435

Công ty cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bản Việt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTQ

29. QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

29.3 Rủi ro thanh khoản (tiếp theo)

	Bất kỳ thời điểm nào VND	Dưới 3 tháng VND	Từ 3 tháng đến 1 năm VND	Từ 1 năm đến 5 năm VND	Tổng cộng VND
Ngày 31 tháng 12 năm 2024					
Tài sản tài chính					
Tiền và các khoản tương đương tiền	49.051.613.777	40.000.000.000	-	-	89.051.613.777
Đầu tư ngắn hạn - gộp	124.319.456.200	-	100.000.000	-	124.419.456.200
Các khoản phải thu ngắn hạn	-	5.215.254.500	-	-	5.215.254.500
Phải thu từ hoạt động nghiệp vụ	-	454.745.101	-	-	454.745.101
Các khoản phải thu khác	-	-	326.255.665	-	326.255.665
Phải thu dài hạn khác	-	-	-	598.236.000	598.236.000
Đầu tư dài hạn vào công ty liên kết	-	-	-	2.381.295.918	2.381.295.918
	173.371.069.977	45.669.999.601	426.255.665	2.979.531.918	222.446.857.161
Nợ phải trả tài chính					
Chi phí phải trả	-	-	400.117.432	-	400.117.432
Phải trả ngắn hạn khác	-	13.465.103.334	-	-	13.465.103.334
	-	13.465.103.334	400.117.432	-	13.865.220.766
Trạng thái thanh khoản ròng	173.371.069.977	32.204.896.267	26.138.233	2.979.531.918	208.581.636.395

Công ty cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bản Việt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
 tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTQ

30. GIÁ TRỊ HỢP LÝ CỦA TÀI SẢN TÀI CHÍNH VÀ NỢ PHẢI TRẢ TÀI CHÍNH

Bảng dưới đây trình bày giá trị ghi sổ và giá trị hợp lý của các công cụ tài chính được trình bày trong báo cáo tài chính của Công ty:

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị ghi sổ VND	Giá trị hợp lý VND	Giá trị ghi sổ VND	Giá trị hợp lý VND
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	100.904.016.669	100.904.016.669	89.051.613.777	89.051.613.777
Đầu tư ngắn hạn	129.862.384.460	166.842.990.747	124.388.384.805	149.683.142.898
- Cổ phiếu niêm yết và UPCoM	30.088.671.938	30.799.195.600	28.347.962.212	28.427.492.700
- Chứng chỉ quỹ	96.673.712.522	132.943.795.147	95.940.422.593	121.155.650.198
- Hợp đồng tiền gửi	3.100.000.000	3.100.000.000	100.000.000	100.000.000
Các khoản phải thu ngắn hạn	4.996.583.865	4.996.583.865	5.215.254.500	5.215.254.500
Phải thu từ các hoạt động nghiệp vụ	454.913.418	454.913.418	454.745.101	454.745.101
Các khoản phải thu khác	270.631.759	270.631.759	326.255.665	326.255.665
Phải thu dài hạn khác	621.431.700	621.431.700	598.236.000	598.236.000
Đầu tư dài hạn vào công ty liên kết	4.881.295.918	(*)	2.381.295.918	(*)
	241.991.257.789		222.415.785.766	
Nợ phải trả tài chính				
Chi phí phải trả	385.115.380	385.115.380	400.117.432	400.117.432
Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	23.598.632	23.598.632	13.465.103.334	13.465.103.334
	408.714.012		13.865.220.766	

(*) Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư dài hạn để thuyết minh trong báo cáo tài chính này bởi vì không có thông tin về giá niêm yết trên thị trường và các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện chưa có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ của chúng.

Công ty cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bản Việt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTQ

30. GIÁ TRỊ HỢP LÝ CỦA TÀI SẢN TÀI CHÍNH VÀ NỢ PHẢI TRẢ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ tài chính phải trả được phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên tham gia, ngoại trừ trường hợp bắt buộc phải bán hoặc thanh lý. Cơ sở xác định giá trị hợp lý:

- Giá trị hợp lý của tiền và các khoản tương đương tiền là số dư tại ngày kết thúc năm tài chính.
- Đối với chứng khoán đã niêm yết, giá trị hợp lý là giá đóng cửa tại ngày gần nhất có giao dịch tính đến ngày kết thúc năm tài chính. Đối với chứng khoán đã đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết ("UPCoM"), giá hợp lý là giá tham chiếu bình quân trong 30 ngày giao dịch liền kề gần nhất trước thời điểm lập báo cáo tài chính do Sở Giao dịch chứng khoán công bố.
- Giá trị hợp lý của các tài sản và nợ phải trả tài chính khác của Công ty xấp xỉ giá trị ghi sổ của các tài sản và nợ phải trả tài chính này do thời gian đáo hạn ngắn của các công cụ tài chính này.

31. CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

Các khoản tiền thuê phải trả trong tương lai theo các hợp đồng thuê hoạt động như sau:

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Trong vòng một (1) năm	2.738.254.686	2.632.140.258
Từ một (1) đến năm (5) năm	568.807.652	3.307.062.339
	3.307.062.338	5.939.202.597

32. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính của Công ty.

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Ngày 25 tháng 3 năm 2026

Người lập:

Bà Trần Thị Thanh Tâm
Kế toán

Người kiểm soát:

Bà Trần Đỗ Quyên
Kế toán Trưởng

Người phê duyệt:



Ông Phạm Phơ Hốp
Tổng Giám đốc

EY | Building a better working world

EY exists to build a better working world, helping to create long-term value for clients, people and society and build trust in the capital markets.

Enabled by data and technology, diverse EY teams in over 150 countries provide trust through assurance and help clients grow, transform and operate.

Working across assurance, consulting, law, strategy, tax and transactions, EY teams ask better questions to find new answers for the complex issues facing our world today.

EY refers to the global organization, and may refer to one or more, of the member firms of Ernst & Young Global Limited, each of which is a separate legal entity. Ernst & Young Global Limited, a UK company limited by guarantee, does not provide services to clients. Information about how EY collects and uses personal data and a description of the rights individuals have under data protection legislation are available via ey.com/privacy. EY member firms do not practice law where prohibited by local laws. For more information about our organization, please visit ey.com.

© 2024 Ernst & Young Vietnam Limited. All Rights Reserved.

ey.com/en_vn | ey.com/vi_vn